

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

Số: 171/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 20 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Ninh Bình
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 1413/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông báo số 1310-TB/TU ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tỉnh ủy Ninh Bình về thông báo Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XXII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Xét Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*sau đây viết tắt là Quy hoạch tỉnh*) với những nội dung chính như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh Ninh Bình với tổng diện tích tự nhiên trên đất liền 1.411,86 km² và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Phía Bắc giáp với tỉnh Hà Nam; phía Đông giáp với tỉnh Nam Định; phía Nam giáp với tỉnh Thanh Hóa và biển Đông; phía Tây giáp với tỉnh Hòa Bình.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch, kế hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng và các quy hoạch, kế hoạch liên quan. Bảo đảm dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định và phát triển.

b) Xây dựng Ninh Bình là đô thị di sản thiên nhiên kỷ của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; trung tâm du lịch, dịch vụ văn hóa - xã hội, môi trường - sinh thái chuyên biệt, đặc sắc của quốc gia và quốc tế; trung tâm lớn về công nghiệp văn hóa; một trung tâm công nghiệp cơ khí ô tô hiện đại hàng đầu đất nước; địa bàn vững chắc về quốc phòng và an ninh (tôn giáo); hình mẫu phát triển dựa trên kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phục dựng, bảo tồn di sản và tăng trưởng kinh tế, hướng vào các tiêu chí xã hội phát triển và nhân dân hạnh phúc.

c) Tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế ban đêm gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số với giá trị gia tăng cao.

d) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội; nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh tiến bộ, công bằng xã hội; giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa và thiên nhiên, đặc biệt là giá trị con người,

văn hóa, văn minh, văn hiến vùng đất Cố đô Hoa Lư lịch sử và giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể danh thắng Tràng An.

đ) Tăng cường bảo vệ môi trường, khai thác, quản lý sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản và bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ quỹ rừng, đặc biệt là rừng đặc dụng, rừng đầu nguồn và rừng sản xuất tự nhiên; bảo vệ nguồn nước và sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ôzôn, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên biển, thực hiện các điều ước về bảo vệ môi trường mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết với quốc tế; chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh hướng tới một nền kinh tế xanh, tuần hoàn, thân thiện với môi trường thiên nhiên.

e) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; chủ động mở rộng các quan hệ hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế tạo môi trường thuận lợi cho phát triển.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng tỉnh Ninh Bình đến năm 2030 trở thành tỉnh khá, về cơ bản đạt các tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương, đến năm 2035 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, lấy tính chất Đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo làm giá trị cốt lõi; một trung tâm du lịch quốc gia và quốc tế; một trung tâm lớn về công nghiệp văn hóa của đất nước; một đầu tàu và mắt xích trọng yếu kết nối mạng lưới các di sản, thành phố sáng tạo, trung tâm du lịch vùng và liên vùng, quốc gia và quốc tế, các đô thị di sản sở hữu danh hiệu UNESCO trên thế giới; một trung tâm hàng đầu về công nghiệp cơ khí ô tô và một số lĩnh vực công nghệ cao, thân thiện môi trường; địa bàn vững chắc về quốc phòng, an ninh; phát triển toàn diện văn hóa, xã hội, con người, bảo vệ môi trường sinh thái, hướng vào các tiêu chí địa phương phát triển, xã hội phồn vinh, nhân dân hạnh phúc; hình mẫu tiêu biểu kết hợp hài hòa giữa phục dựng, bảo tồn di sản (văn hóa và thiên nhiên) với phát triển nhanh, bền vững.

Huy động, khai thông, giải phóng, phát huy tối đa mọi nguồn lực, kết nối nguồn lực địa phương với nguồn lực vùng, quốc gia và quốc tế; khơi thông mọi tiềm năng, lợi thế, tạo động lực mạnh mẽ đưa Ninh Bình phát triển nhanh, bền vững, trở thành cực tăng trưởng - một trung tâm “đầu mối phát triển” phía Nam của Đồng bằng sông Hồng và hành lang ven biển Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình, xứng đáng vị trí, vai trò cửa ngõ phía Nam của khu vực miền Bắc, đầu mối giao lưu, kết nối giữa vùng Đồng bằng sông Hồng với vùng duyên hải Bắc Trung Bộ và vùng Tây Bắc. Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững theo hướng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và gắn với giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Lấy giá trị văn hóa lịch sử và sinh thái làm nền tảng; du lịch và các dịch vụ văn hóa - xã hội gắn với cảnh sắc tự nhiên sinh thái chuyên biệt, đặc sắc là mũi nhọn. Nâng cao chất lượng phát triển với tốc độ tăng trưởng cao ổn định, cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại gắn với định hình đồng bộ hệ sinh thái phát triển cho từng sản phẩm chủ

lực, có sức cạnh tranh, thương hiệu, lấy du lịch làm mũi nhọn, công nghiệp văn hóa làm đột phá, công nghiệp cơ khí ô tô hiện đại làm động lực, nông nghiệp sinh thái làm trụ đỡ. Phát triển hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, thông minh (hạ tầng giao thông, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, hạ tầng dịch vụ...); xây dựng nông thôn mới nâng cao gắn với thúc đẩy đô thị hóa; không ngừng nâng cao mức sống và chất lượng sống người dân, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ từ sớm, từ xa cho Thủ đô Hà Nội, địa bàn Quân khu 3 và cả nước.

b) Chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP (theo giá so sánh năm 2010) bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 9,2%.

+ GRDP bình quân đầu người: 199 triệu đồng.

+ Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP: Nông - lâm - thủy sản 5,3%; công nghiệp - xây dựng 45,3%; dịch vụ 38,3%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 11,1%.

+ Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 38 nghìn tỷ đồng.

+ Tỷ lệ đô thị hoá đạt 56,1%.

+ Kinh tế số chiếm trên 30% GRDP.

- Về xã hội:

+ Phân đấu 100% các huyện, thành phố đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao.

+ Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 99%, Tiểu học đạt 90%, Trung học cơ sở đạt 100%, Trung học phổ thông đạt 100%; tỷ lệ lao động qua đào tạo: 75%.

+ Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 2%/năm.

+ Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) đạt dưới 2%.

+ Số lượng giường bệnh và bác sỹ trên 1 vạn dân: 45 giường bệnh và 13,5 bác sỹ trên 1 vạn dân.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng: 19,6%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn: 95%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn: 90%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp: 30%.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn: 90%.

+ Tỷ lệ số khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: 100%.

+ Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 98%; Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 85%.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

a) Đến năm 2035: Phần đầu là thành phố trực thuộc Trung ương, đô thị di sản thiên nhiên kỷ tiêu biểu khu vực châu Á - Thái Bình Dương; là trung tâm du lịch, dịch vụ văn hóa - xã hội, môi trường - sinh thái chuyên biệt, đặc sắc của đất nước và quốc tế; là trung tâm lớn về công nghiệp văn hóa; một trung tâm công nghiệp cơ khí ô tô hiện đại hàng đầu của Việt Nam, một cực tăng trưởng của vùng Đồng bằng sông Hồng; là địa bàn chiến lược vững chắc về quốc phòng và an ninh (tôn giáo); là nơi người dân có mức sống và chất lượng sống dần đạt tiêu chí xã hội phát triển và thành phố hạnh phúc.

b) Đến năm 2050: Tỉnh Ninh Bình là một trung tâm du lịch bền vững chất lượng, đẳng cấp, có năng lực cạnh tranh cao của cả nước và quốc tế. Là 01 cực tăng trưởng quan trọng về công nghiệp và dịch vụ của khu vực phía Nam Đồng bằng sông Hồng; 01 tỉnh phát triển khá toàn diện của vùng đồng bằng sông Hồng; có nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và phát thải khí nhà kính bằng "0" và là nơi đáng sống, an toàn và thân thiện. Là đô thị di sản thiên nhiên kỷ tiêu biểu toàn cầu, hình mẫu kết hợp giữa phát triển kinh tế "xanh" và bảo tồn di sản, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát huy "sức mạnh mềm" dựa trên kết nối mạng lưới đô thị di sản trên thế giới, phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa và các dịch vụ văn hóa - xã hội, môi trường - sinh thái đặc sắc, đẳng cấp, thương hiệu, tiêu biểu cho lợi ích công cộng, giá trị toàn cầu, định hình đầy đủ đặc trưng xã hội phát triển và thành phố hạnh phúc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Công nghiệp là động lực cho tăng trưởng, tập trung thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ sạch, phát triển bền vững, du lịch và dịch vụ chất lượng cao; hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, đô thị hiện đại; phát triển kinh tế vùng ven biển Kim Sơn; bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển đô thị văn minh, hiện đại, với trọng tâm là đô thị di sản.

b) Đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số, kinh tế số và chuyển đổi số đồng bộ; nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong cuộc CMCN 4.0.

c) Tập trung phục dựng, bảo tồn, phát huy di sản Cố đô Hoa Lư và phát huy giá trị nổi bật toàn cầu của di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới quần thể Danh thắng Tràng An. Phát triển toàn diện văn hóa - xã hội; đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa gắn với phát triển du lịch và dịch vụ; coi trọng văn hóa cơ sở, xây dựng nếp sống văn minh; bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

d) Tổ chức hợp lý không gian, phân vùng chức năng; phát triển bền vững hệ thống đô thị; phát triển hài hòa giữa các vùng, miền, giữa đô thị và nông thôn; xây

dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao và kiểu mẫu; đổi mới bộ mặt kiến trúc, cảnh quan hiện đại, giàu bản sắc.

đ) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại gắn với khai thác và sử dụng hiệu quả quỹ đất. Thực hiện chiến lược phát triển đô thị di sản, phát triển công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa - xã hội, môi trường - sinh thái chuyên biệt trên cơ sở phục dựng và bảo tồn, phát huy giá trị các di sản lịch sử - văn hóa, thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Ngành công nghiệp - xây dựng

- Chuyên dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng đẩy mạnh các nhóm ngành, sản phẩm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, công nghệ sạch và sản xuất hàng công nghiệp xuất khẩu.

- Tập trung và ưu tiên phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo, cơ khí sản xuất lắp ráp ô tô; công nghiệp điện tử; công nghiệp vật liệu mới, vật liệu kỹ thuật cao; các ngành công nghiệp chế biến phục vụ sản xuất nông nghiệp; duy trì ổn định sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ lực truyền thống gắn với bảo vệ môi trường; phát triển một số ngành công nghiệp tiêu dùng có sử dụng hợp lý lao động.

- Hình thành cụm liên kết trong sản xuất một số ngành công nghiệp ưu tiên, tạo nền tảng và cơ sở kết nối chuỗi sản phẩm, chuỗi giá trị, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Phát triển ngành xây dựng trở thành ngành kinh tế mạnh về trình độ kỹ thuật, có năng lực về tài chính và trình độ chuyên môn cao; có nguồn nhân lực đủ mạnh trong các hoạt động lập quy hoạch xây dựng, khảo sát, thiết kế, quản lý dự án, thi công các công trình có quy mô lớn, yêu cầu trình độ kỹ thuật, công nghệ xây dựng cao trên địa bàn tỉnh.

b) Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng an toàn, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp số, nông nghiệp du lịch sinh thái cảnh quan. Tập trung phát triển các cây trồng, vật nuôi có lợi thế của tỉnh; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô phù hợp với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc sản, OCOP có giá trị kinh tế và sức cạnh tranh cao, đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản có quy mô phù hợp đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu; phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Thủ đô Hà Nội.

- Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản, khai thác hải sản gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu; nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển; thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của

Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cụ thể là: “Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học khu vực tiếp giáp các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, vùng cửa sông Hồng, sông Thái Bình, các vùng ngập nước ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình”.

c) Ngành dịch vụ

- Về thương mại, dịch vụ

+ Xây dựng và phát triển các loại hình hạ tầng thương mại phù hợp, kết hợp hài hòa các loại hình hạ tầng thương mại truyền thống và thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn đô thị và nông thôn. Ưu tiên thu hút phát triển các trung tâm thương mại, mua sắm, siêu thị tổng hợp.

+ Từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động thương mại; tập trung quan tâm phát triển các hình thức thương mại dựa trên nền tảng công nghệ mới, nền tảng số hoá; coi thương mại điện tử là công cụ quan trọng để hiện đại hoá lĩnh vực thương mại trong tình hình mới.

- Về du lịch

+ Xây dựng và phát triển thương hiệu du lịch tỉnh Ninh Bình gắn với hình ảnh, giá trị Cố đô Hoa Lư và Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Định hướng du lịch tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới gắn với sản phẩm đặc trưng riêng có và hình ảnh, thương hiệu du lịch Ninh Bình, tạo động lực lan tỏa để phát huy tất cả các giá trị, tài nguyên khác của tỉnh.

+ Phát triển 04 nhóm sản phẩm du lịch chính: (1) nhóm sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh là nhóm sản phẩm du lịch đặc thù, mang thương hiệu riêng có cho du lịch Ninh Bình; (2) nhóm sản phẩm du lịch tham quan thắng cảnh thiên nhiên; (3) nhóm sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng rèn luyện sức khỏe gắn với các khu nghỉ dưỡng cao cấp và các hệ sinh thái biển, rừng, các nguồn khoáng nóng; (4) nhóm sản phẩm du lịch đột phá là các sản phẩm du lịch sáng tạo theo tư duy đột phá, có hàm lượng chất xám cao, tiết kiệm tài nguyên. Phát triển 03 nhóm sản phẩm du lịch phụ trợ: nhóm sản phẩm du lịch chuyên đề (khám phá tự nhiên, lễ hội, ẩm thực); nhóm sản phẩm du lịch liên ngành: du lịch MICE (gắn với sự kiện hội nghị, hội thảo), du lịch nông nghiệp, du lịch thể thao, du lịch giáo dục, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm phim trường...; nhóm sản phẩm du lịch liên vùng.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Phát triển hệ thống y tế Ninh Bình theo hướng hiện đại hóa, bảo đảm cho mọi người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ y tế có chất lượng. Hệ thống y tế của tỉnh bảo đảm tính hệ thống và tính liên tục trong hoạt động chuyên môn trong từng tuyến cũng như giữa các tuyến và phát triển cân đối, hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, giữa y tế phổ cập và y tế chuyên sâu, giữa y học hiện đại với y học cổ truyền, giữa dự phòng với điều trị, giữa y tế công lập và y tế ngoài công lập, giữa các vùng miền trong tỉnh.

- Chú trọng đầu tư phát triển các bệnh viện vệ tinh, bệnh viện chuyên khoa nhằm chia sẻ, hỗ trợ, giảm tải cho các bệnh viện Trung ương. Nâng cao năng lực của hệ thống y tế dự phòng nhằm chủ động đối phó với các dịch bệnh phát sinh do ô nhiễm môi trường và di chuyển cơ học giữa các địa phương cận kề. Đẩy mạnh thu hút, xã hội hóa và liên kết.

b) Giáo dục và Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển toàn diện năng lực người học gắn với quy mô và chất lượng dân số góp phần đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số, hướng tới một nền giáo dục mở, hiện đại, tiên tiến.

- Xây dựng hệ thống giáo dục đảm bảo tính mở và phục vụ học tập suốt đời, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, đảm bảo phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng miền. Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục.

- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa bàn cụ thể, đảm bảo đủ trường lớp và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục cơ bản. Tăng cường thu hút đầu tư, xã hội hóa giáo dục và đào tạo; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở.

c) Ngành văn hóa, thể thao

- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử và truyền thống tốt đẹp của con người, các giá trị lịch sử - văn hoá làng cổ truyền làm sống lại kinh đô Hoa Lư thời đỉnh cao huy hoàng, nhân lên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới Tràng An, tạo ra nguồn lực nội sinh xây dựng Ninh Bình vươn lên trở thành đô thị di sản văn minh - hiện đại, thành phố trực thuộc trung ương, đại diện cho cực tăng trưởng phía Nam châu thổ sông Hồng.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa dựa trên các lợi thế về văn hóa - lịch sử, thiên nhiên và con người. Biến các giá trị văn hóa, di sản trở thành sức mạnh mềm, nguồn lực, động lực tăng trưởng mới; định dạng, phát triển thương hiệu tạo giá trị gia tăng cho du lịch, công nghiệp cùng các ngành kinh tế khác thường xuyên, liên tục, lâu dài và bền vững.

- Tăng cường giao lưu, hợp tác về văn hoá; đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu giá trị di sản văn hoá, hình ảnh con người vùng đất Ninh Bình tới các địa phương trong nước và các nước trên thế giới. Tập trung xây dựng các sản phẩm văn hóa tiêu biểu tạo thành thương hiệu văn hóa của Ninh Bình.

- Tập trung phát triển sâu rộng thể dục thể thao cho mọi người góp phần nâng cao tầm vóc, thể chất, sức khoẻ, tăng tuổi thọ của người dân. Quản lý, phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp theo hướng tiên tiến, bền vững; nâng cao thành tích thi đấu của các môn thể thao, đưa thể thao Ninh Bình đạt vị trí cao trong khu vực đồng bằng sông Hồng, nâng vị thế thể thao Ninh Bình trên toàn quốc.

Phát triển thể thao giải trí, kinh doanh dịch vụ thể thao gắn với hoạt động văn hoá, du lịch.

d) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp về thông tin khoa học và công nghệ, thực hiện đổi mới công nghệ, các quy trình nâng cao năng suất (quy trình quản lý ISO, truy xuất nguồn gốc...).

- Phát triển các kênh chuyên giao công nghệ cho nông dân và các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động nông nghiệp. Hình thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh về đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp và nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hình thành một số điểm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao. Khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo sử dụng những công nghệ tiên tiến, hiện đại; phù hợp với kết cấu của nguồn và lưới điện hiện có trên địa bàn tỉnh, mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường.

đ) An sinh xã hội

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác người có công, hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong xã hội; thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững. Phát triển thị trường lao động lành mạnh, đồng bộ gắn với đào tạo nghề, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng tầm kỹ năng lao động.

- Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế; tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em; thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở tất cả các cấp, các lĩnh vực.

e) Quốc phòng, an ninh

- Thực hiện hiệu quả chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân vững chắc; làm tốt phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Xây dựng lực lượng Quân sự, Công an tinh gọn, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn âm mưu “diễn biến hòa bình” “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các phần tử cơ hội chính trị, cực đoan, phản động lợi dụng vấn đề “dân chủ, tôn giáo, nhân quyền” để kích động chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Hệ thống các vùng chức năng

Tỉnh Ninh Bình được phân thành ba vùng chức năng là các khu vực lãnh thổ tích hợp bao gồm: (i) Vùng trung tâm bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của thành phố Ninh Bình, huyện Hoa Lư và thành phố Tam Điệp; (ii) Vùng Tây Bắc

bao gồm huyện Nho Quan và huyện Gia Viễn; (iii) Vùng Đông Nam bao gồm huyện Yên Mô, huyện Yên Khánh và huyện Kim Sơn.

- Vùng trung tâm là vùng chức năng tổng hợp giữ vai trò là động lực phát triển của tỉnh; với định hình đô thị Ninh Bình tính chất là “Đô thị Di sản thiên nhiên kỷ” dựa trên các giá trị độc đáo về tự nhiên - sinh thái, văn hóa - lịch sử, sở hữu di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, là trung tâm du lịch vùng, quốc gia và quốc tế; là trung tâm chính trị - hành chính, văn hóa, kinh tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, dịch vụ chất lượng cao, đầu mối hợp tác quốc tế của tỉnh Ninh Bình; là đầu mối giao thông, cửa ngõ phía Nam Vùng duyên Hải Bắc Bộ; thành phố Tam Điệp là trung tâm công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao, hậu cần logistic.

- Vùng Tây Bắc là khu vực phát triển du lịch sinh thái, văn hóa, nông thôn, khám phá và trải nghiệm, chăm sóc và rèn luyện sức khỏe, nơi tập trung các khu bảo tồn quan trọng: khu vực Rừng quốc gia Cúc Phương, khu du lịch Kênh Gà - Vân Trình với định hướng trở thành khu du lịch quốc gia, vùng đất ngập nước Vân Long; đồng thời phát triển công nghiệp trở thành một trong những trung tâm công nghiệp lớn của tỉnh Ninh Bình.

- Vùng Đông Nam là vùng nông nghiệp trọng điểm của tỉnh gắn với phát triển kinh tế biển, chuyển tiếp hài hòa với vùng đô thị di sản và khu vực công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao; là khu vực có điều kiện phát triển các khu du lịch văn hóa, sinh thái, thể dục thể thao, du lịch biển Kim Sơn - Côn Nôi, gắn với nhà thờ đá Phát Diệm, các hồ Đồng Thái, Yên Thắng, du lịch nông thôn, đồng thời có điều kiện phát triển các khu công nghiệp, cảng logistic và nuôi trồng hải sản.

b) Hệ thống các trung tâm tăng trưởng

- Các hoạt động kinh tế - xã hội tập trung chủ yếu ở các đô thị hiện hữu và các đô thị mới: Hợp nhất thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh; thành phố công nghiệp - dịch vụ Tam Điệp là đô thị loại II, các đô thị trung tâm của các huyện, gồm đô thị: Nho Quan, Me, Yên Thịnh, Yên Ninh, Phát Diệm, Bình Minh và một số đô thị chức năng, đô thị thành lập mới trong quá trình phát triển.

- Động lực phát triển các khu chức năng: 11 khu công nghiệp, 24 cụm công nghiệp và 08 phân khu du lịch trong đó có 03 điểm nhấn, gồm: (1) Khu Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An là trung tâm du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh số 1 của Việt Nam; (2) Tổ hợp nghỉ dưỡng du lịch Kênh Gà - Vân Trình là khu du lịch tổng hợp đa lĩnh vực cao cấp, gắn với bảo vệ và khai thác cảnh quan thiên nhiên, văn hóa - lịch sử; (3) Khu du lịch nghỉ dưỡng Cúc Phương, khu du lịch nghỉ dưỡng Vân Long, khu hồ Yên Thắng - Đồng Thái, hồ Đồng Chương, Khu Quảng Lạc - sông Bến Đàng và vùng ven biển Kim Sơn dự kiến trở thành liên hiệp khu sinh thái hấp dẫn bậc nhất ở khu vực phía Bắc Việt Nam.

c) Các hành lang phát triển

- 01 Hành lang Bắc - Nam, gắn với đường cao tốc, đường sắt và Quốc lộ 1A, hành lang trụ cột hình thành vùng chức năng trung tâm, kết nối tỉnh Ninh Bình với các tỉnh Đồng bằng Sông Hồng và Vùng duyên hải Bắc Trung Bộ.

- 03 Hành lang Đông - Tây: Hành lang phía Nam gần với Quốc lộ 12B; hành lang phía Bắc gần với Quốc lộ 10 và đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh; hành lang trung tâm kết nối 03 vùng chức năng của tỉnh Ninh Bình.

- Hành lang ven biển, gần với đường cao tốc ven biển, gần với các trung tâm duyên hải Việt Nam theo Quyết định số 865/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

- Đến năm 2025: Hoàn thành sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

+ Thực hiện hợp nhất thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư, đồng thời sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gắn với định hình tính chất đơn vị hành chính mới sau hợp nhất là “Đô thị Di sản thiên nhiên kỷ”, dựa trên các giá trị độc đáo về địa tự nhiên - sinh thái, văn hóa - lịch sử, sở hữu di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Đồng thời hoàn thiện các tiêu chí công nhận đơn vị hành chính mới sau hợp nhất là đô thị loại I trực thuộc tỉnh; có vị thế trung tâm du lịch vùng và quốc gia, mang giá trị toàn cầu; là trung tâm chính trị - hành chính, văn hóa, kinh tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, dịch vụ chất lượng cao, đầu mối hợp tác quốc tế của tỉnh Ninh Bình.

+ Thực hiện việc sắp xếp các xã, phường, thị trấn không đảm bảo tiêu chuẩn quy định, thuộc diện phải sắp xếp lại theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

- Đến năm 2030: Hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định. Xây dựng tỉnh Ninh Bình cơ bản đáp ứng các tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

- Phạm vi, ranh giới, tên địa lý và triển khai phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Các đô thị thuộc tỉnh Ninh Bình được định hướng phát triển bền vững dựa trên nền tảng không gian hình thành Cổ đô Hoa Lư lịch sử, các di sản văn hóa qua các thời đại cùng các di sản thiên nhiên để xác định tính chất, chức năng, vai trò, vị trí trong công cuộc phục dựng, bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cổ đô Hoa Lư xứng tầm Đô thị Di sản thiên niên kỷ tiêu biểu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; kiến tạo mô hình phát triển “xanh” lấy con người làm trung tâm, lấy văn hóa và sinh thái làm nền tảng, hình thành cực tăng trưởng mới ở vùng đồng bằng sông Hồng; xác lập hình mẫu phát triển dựa trên kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa bảo tồn di sản và phát triển, hướng tới các chỉ số xã hội phát triển và nhân dân hạnh phúc, phát huy sức mạnh mềm thông qua mạng lưới các di sản sở hữu danh hiệu UNESCO. Trong đó, đô thị di sản trung tâm bao gồm các khu vực lịch sử, khu vực du lịch, khu vực thương mại sáng tạo di sản mới được phân tách thành các trung tâm độc lập đan xen với các công viên chuyên đề, các quần cư di sản, dân cư, tái định cư.

Toàn tỉnh có 07 đô thị trung tâm, gồm: đô thị loại I (đô thị hợp nhất thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư), 01 đô thị loại II (thành phố Tam Điệp), 03 đô thị loại IV; 02 đô thị loại V và 02 đô thị chức năng và các đô thị mới thành lập theo nhu cầu phát triển; toàn tỉnh cơ bản đạt các tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương. Quy mô đô thị xác định cụ thể theo Quy hoạch chung đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc đánh giá khả năng nâng cấp đô thị và thành lập đơn vị hành chính sẽ được thực hiện trong các Đề án cụ thể với các tiêu chí theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định khác có liên quan.

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Tổ chức, sắp xếp, ổn định dân cư nông thôn bảo đảm phát triển bền vững, định cư lâu dài, giảm thiểu những thiệt hại tiềm ẩn do thiên tai gây ra.

Mở rộng, xây dựng mới các khu dân cư nông thôn phải đảm bảo đồng bộ các hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, có tính đến tiếp cận các dịch vụ xã hội giáo dục, y tế, nâng cao điều kiện sống của người dân nông thôn. Các khu vực làng nghề cần tổ chức theo hướng bảo tồn, kết hợp với phát triển du lịch. Xây dựng nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng đô thị văn minh, hiện đại và phát triển du lịch, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát triển các khu dân cư nông thôn theo mô hình nông thôn mới trên cơ sở tổ chức lại các điểm dân cư hiện hữu, phát huy tối đa điều kiện tự nhiên, tiết kiệm

và hạn chế sử dụng đất canh tác; cải tạo, chỉnh trang, xây dựng mới khu dân cư gắn với vùng sản xuất nông nghiệp, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, phong tục tập quán, văn hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, kết nối.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

Hình thành hệ thống các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững gắn với phát triển đô thị và hạ tầng xã hội; tạo mối liên kết phát triển giữa công nghiệp tỉnh với vùng Bắc Trung Bộ và vùng đồng bằng sông Hồng. Theo định hướng quy hoạch, toàn tỉnh có 11 khu công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch khoảng 2.813 ha.

2. Phương án phát triển cụm công nghiệp

Hình thành hệ thống các cụm công nghiệp có quy mô hợp lý, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng và từng địa phương trên địa bàn tỉnh, góp phần tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Theo định hướng quy hoạch, toàn tỉnh có 24 cụm công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch khoảng 1.254 ha.

3. Phương án phát triển khu du lịch

Phát triển không gian du lịch theo cấu trúc 08 phân khu không gian, 04 điểm nhân, 03 tuyến và 01 trung tâm.

- 08 phân khu không gian gồm: Thành phố Ninh Bình và phụ cận (chức năng đô thị); Khu vực di sản thế giới Quần thể danh thắng Tràng An (chức năng du lịch di sản thế giới, dịch vụ và văn hoá - lịch sử); khu vực Kênh Gà - Vân Trình (chức năng du lịch tổng hợp); khu vực Vân Long (chức năng du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng); khu vực ven biển Kim Sơn - Cồn Nổi (du lịch sinh thái nghỉ dưỡng biển); khu vực vườn Quốc gia Cúc Phương - Hồ Đồng Chương (du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, công viên động vật hoang dã, thể thao, khám phá và trải nghiệm...); khu vực hồ Yên Thắng, hồ Đồng Thái (chức năng du lịch thể thao, vui chơi, giải trí, du lịch nông nghiệp); khu vực Đồng Giao - Tam Điệp (du lịch văn hoá, lịch sử, dịch vụ thương mại, sinh thái nông nghiệp công nghệ cao).

- 04 điểm nhân bao gồm: Khu di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới Tràng An (bao gồm khu du lịch sinh thái Tràng An, Tam Cốc - Bích Động, Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính...); tổ hợp nghỉ dưỡng du lịch Kênh Gà - Vân Trình; các khu du lịch nghỉ dưỡng Cúc Phương, Vân Long, vùng ven biển Kim Sơn; du lịch văn hoá (Công viên lịch sử trung tâm Cố đô Hoa Lư, các công viên chuyên đề, các khu vực đô thị và quần cư di sản, các khu chức năng phát triển công nghiệp văn hoá, bảo tàng, trường quay điện ảnh...).

- 03 tuyến du lịch then chốt: Tuyến du lịch văn hoá độc đáo “hành trình con đường di sản”; các tuyến du lịch du thuyền bằng đường thủy kết nối thành phố Ninh Bình với các khu du lịch; tuyến du lịch liên vùng hành trình di sản qua các kinh đô Việt cổ.

- 01 trung tâm dịch vụ du lịch tại thành phố Ninh Bình.

4. Phương án phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Tăng cường đầu tư cho công tác tu bổ tôn tạo di tích, khai quật khảo cổ học để bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa vùng đất Ninh Bình. Ưu tiên đầu tư thực hiện nghiên cứu, khai quật và bảo tồn di tích khảo cổ tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư và khu vực phụ cận; tu bổ, tôn tạo các di tích xuống cấp, các di tích có giá trị tiêu biểu ở các khu vực phát triển du lịch trọng điểm, các di tích ở vùng sâu, vùng xa điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn.

- Các khu vực cần bảo tồn, hạn chế phát triển bao gồm công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa cần bảo tồn, tôn tạo, đặc biệt đối với 04 khu bảo tồn thiên nhiên gồm: Vườn Quốc gia Cúc Phương; Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long; Khu rừng Văn hóa, Lịch sử và Môi trường Hoa Lư; Khu dự trữ sinh quyển thế giới Châu thổ sông Hồng (rừng ngập mặn Kim Sơn - Cồn Nổi).

5. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung Tây - Bắc: Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển các vùng sản xuất sản nông nghiệp tập trung cho một số sản phẩm chủ lực như: Lúa chất lượng cao, chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi gia súc, nuôi cá nước ngọt...

- Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung Đông - Nam: Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển các vùng sản xuất sản nông nghiệp tập trung cho một số sản phẩm chủ lực như: Lúa chất lượng cao và lúa đặc sản, chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia súc, gia cầm; Vùng nuôi tôm (sú, thẻ chân trắng), nuôi ngao, giống nhuyễn thể (ngao, hào, ..).

6. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, những khu vực có vai trò động lực

- Tập trung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn; củng cố mạng lưới y tế cơ sở, mạng lưới trường lớp các cấp; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

7. Phương án xác định khu quân sự, an ninh

Xây dựng khu quân sự, khu an ninh bảo đảm thế trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, các khu vực sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội từng khu vực, địa phương trên địa bàn tỉnh. Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn phù hợp với quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Diện tích các khu đất quốc phòng, an ninh được bố trí, sử dụng theo chỉ tiêu được phân bổ và theo yêu cầu bảo đảm quốc phòng an ninh của địa phương.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Phương án phát triển giao thông đường bộ: Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án. Toàn tỉnh có 02 tuyến đường cao tốc; 08 tuyến đường quốc lộ và tuyến đường bộ ven biển; 28 tuyến đường tỉnh và 08 tuyến đường kết nối và hệ thống các bến xe, bến bãi.

b) Phương án phát triển giao thông đường sắt, gồm: Đường sắt Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh; Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đoạn chạy qua địa bàn tỉnh Ninh Bình; 03 tuyến đường sắt chuyên dụng; 05 ga đường sắt.

c) Phương án phát triển hạ tầng giao thông đường thủy, gồm: 02 tuyến đường thủy nội địa Quốc gia; 15 tuyến đường thủy nội địa địa phương với quy mô từ cấp VI-II; 02 cảng cạn; 51 cảng hàng hóa và 01 cụm cảng hành khách nằm trên sông Đáy; 94 bến hàng hóa; 30 bến hành khách; 09 bến sửa chữa, đóng mới tàu thuyền; 02 khu neo đậu tàu thuyền; 05 bến nổi kinh doanh xăng dầu, 25 bến khách ngang sông và các cảng, bến khác.

d) Phương án phát triển cảng biển: Xây dựng cảng tổng hợp Cồn Nổi phục vụ hành khách, tiếp nhận được tàu du lịch quy mô 200-250 khách, tiếp nhận hàng hóa có khối lượng vừa và nhỏ.

đ) Phương án phát triển sân bay chuyên dụng: Dự trữ quỹ đất phát triển 01 sân bay chuyên dụng và 01 sân bay taxi phục vụ phát triển du lịch.

e) Phương án phát triển trung tâm logistics: Xây dựng các trung tâm logistics tại thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp và huyện Kim Sơn.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

- Phát triển nguồn điện, bao gồm nguồn năng lượng tái tạo, phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia, Quy hoạch phát triển điện lực thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (quy hoạch điện VIII) nhằm khai thác tốt tiềm năng về năng lượng của tỉnh Ninh Bình. Tích cực thu hút đầu tư khai thác tiềm năng điện khí linh hoạt phù hợp với kế hoạch phát triển chung của quốc gia.

- Xây dựng và nâng cấp mạng lưới điện đảm bảo năng lực cấp điện, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của lưới điện truyền tải.

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, xây dựng mạng thông tin di động 5G phủ sóng tại 100% các khu dân cư của tỉnh. Đảm bảo hoạt động của các tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh và nội tỉnh với dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, đặc biệt là các vùng trung tâm kinh tế - chính trị, vùng động lực, ưu tiên xây dựng đô thị thông minh, hiện đại. Đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông; lắp đặt các điểm truy cập wifi; phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

- Phát triển hệ thống thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, hệ thống dữ liệu mở của tỉnh. Phát triển trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; tái cấu trúc hạ tầng thông tin theo hướng kết hợp mạng truyền số liệu chuyên dùng với mạng Internet.

- Duy trì triển khai an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp; vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC) của tỉnh kết nối hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn thông tin phục vụ Chính quyền số. Chuyển đổi số hạ tầng các cơ quan báo chí nòng cốt theo mô hình tòa soạn hội tụ, truyền thông đa phương tiện.

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số. Hạ tầng bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử; chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số.

- Mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Đảm bảo cấp nước và tiêu, thoát nước kịp thời phục vụ sản xuất, ngoài việc duy trì những công trình tưới, tiêu hiện có, cần tiếp tục cải tạo, nâng cấp và xây mới các công trình thủy lợi phục vụ cấp nước tưới và tiêu thoát nước trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Sửa chữa nâng cấp, xây dựng mới các trạm bơm để phục vụ cho công tác thủy lợi nội đồng, giải quyết các vấn đề hạn hán, ngập úng cục bộ.

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị, nông thôn và các khu chức năng để đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt; ưu tiên xây dựng công trình cấp nước tập trung. Trong đó, đối với cấp nước đô thị: giữ nguyên các nhà máy nước đô thị; xây mới, cải tạo, nâng cấp các nhà máy nước, nhất là tại các xã chưa có nước sạch, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, tiêu dùng của người dân và doanh nghiệp.

Số lượng, quy mô công suất của các trạm cấp nước sạch được xác định cụ thể theo quy hoạch vùng huyện, quy hoạch đô thị và dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Phương án phát triển mạng lưới thoát nước

- Thoát nước mặt và cao độ nền:

Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo mạng lưới thoát nước đô thị và khu chức năng (cụm công nghiệp, khu du lịch, di tích...) bảo đảm tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, tuân thủ theo đúng quy hoạch được duyệt; Xoá bỏ tình trạng ngập, sạt lở thường xuyên trong mùa mưa, xây dựng các trạm bơm tiêu dùng phục vụ chống ngập úng tại các đô thị và khu chức năng trên địa bàn tỉnh.

- Thoát và xử lý nước thải:

+ Các đô thị, khu cụm công nghiệp có hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung. Toàn bộ nước thải cơ sở y tế và nước thải các cơ sở công

nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả vào công chung của đô thị hoặc xả ra môi trường.

+ Ưu tiên xây dựng và bổ sung hệ thống công trình xử lý và mạng lưới thu gom nước thải cho các đô thị, các khu chức năng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

+ Nâng cấp cải tạo các công trình thoát nước hiện có xuống cấp, xây dựng bổ sung công trình thoát nước mới để hoàn thiện mạng lưới thoát nước theo quy hoạch.

Việc thực hiện thoát nước đô thị và khu chức năng đặt nằm trong mối quan hệ tổng thể của việc quản lý tiêu thoát lũ sông, suối có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu, đảm bảo thoát nước triệt để và hạn chế tối đa các thiệt hại do lũ lụt.

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Khu xử lý chất thải

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh. Giảm thiểu phát sinh chất thải tại nguồn, tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm khối lượng chất thải phải chôn lấp; đáp ứng nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn của tỉnh theo từng giai đoạn. Chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường được thu gom và đưa về các khu xử lý chất thải từng đơn vị cấp huyện; chất thải rắn nguy hại, y tế được đưa về các cơ sở có chức năng xử lý theo phân vùng. Ưu tiên xây dựng các nhà máy xử lý chất thải có thu hồi năng lượng và phát điện, hạn chế tối đa lượng chất thải chôn lấp.

- Ưu tiên đầu tư các công trình nhằm đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải của các khu vực đô thị như thành phố Ninh Bình, Tam Điệp,... và các khu, cụm công nghiệp, bệnh viện, cơ sở y tế và các đô thị trung tâm huyện khác.

b) Nghĩa trang

- Xây mới, cải tạo mở rộng các nhà tang lễ, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng cấp huyện trở lên đồng bộ các khu chức năng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống xử lý ô nhiễm, trồng cây xanh cách ly đảm bảo cảnh quan, vệ sinh môi trường theo quy định; sử dụng công nghệ hỏa táng hiện đại, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Các nghĩa trang cần có đủ các chức năng, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng với đầy đủ chuyên an táng hiện đại phù hợp với phong tục tập quán, văn hóa tâm linh.

- Nghĩa trang nông thôn: mỗi xã bố trí 1 đến 2 nghĩa trang tập trung trên cơ sở mở rộng các nghĩa trang xã, thôn hiện có hoặc xây dựng mới ở vị trí phù hợp để quy tập mộ di chuyển trong khu vực, đảm bảo phục vụ nhu cầu an táng lâu dài, tạo điều kiện chôn cất văn minh, hợp vệ sinh, tiết kiệm đất đai.

- Di dời các mộ nhỏ lẻ, nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hiện hữu khi gây ô nhiễm môi trường, không có khả năng khắc phục về các nghĩa trang tập trung của huyện và thành phố. Các nghĩa trang hiện có nằm trong khu vực phát triển đô thị không được sử dụng hình thức hung táng. Khuyến khích và nâng cao dần hình thức hỏa táng.

- Ưu tiên xây dựng các nhà tang lễ, nghĩa trang tập trung cấp tỉnh, huyện của thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp, huyện Nho Quan và từng bước xây dựng các nhà tang lễ và nghĩa trang các đô thị trung tâm huyện khác phù hợp với phát triển đô thị.

6. Phương án phát triển phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

- Quy hoạch địa điểm xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố, khu đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu thương mại có nguy cơ cháy, nổ cao và tại các khu rừng (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất); bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia về hạ tầng phòng cháy chữa cháy đáp ứng các quy định hiện hành.

- Đầu tư trụ sở, trang thiết bị và bổ sung đầy đủ nhân sự cho các đội phòng cháy chữa cháy của các thành phố, đô thị trung tâm huyện, đảm bảo mỗi đơn vị cấp huyện phải có 1 trụ sở đơn vị cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

- Trang bị và xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, kết nối hệ thống hạ tầng thông tin, viễn thông của tỉnh để phục vụ công tác chỉ huy điều hành công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, công tác báo cháy tự động. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin, xử lý thông tin để hướng tới hệ thống báo cháy và chữa cháy thông minh.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

- Củng cố, phát triển quy mô các cơ sở y tế tuyến tỉnh chuyên sâu, hiện đại; xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm và các bệnh liên quan đến môi trường sống.

- Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa để phát triển mạng lưới cơ sở y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân; khuyến khích phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu đô thị mới.

- Chuẩn hóa và tích hợp hệ thống thông tin y tế đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; tích hợp các bệnh án, sổ khám bệnh điện tử, liên thông phần mềm và cơ sở dữ liệu giữa các cơ sở khám, chữa bệnh trong tỉnh.

- Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa, các trung tâm nghiên cứu và trung tâm y tế phục vụ khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo công lập đáp ứng nhu cầu học tập của người dân; bảo đảm phòng học, lớp học cho học sinh các cấp theo quy định của ngành. Đẩy mạnh, khuyến khích xã hội hóa đầu tư, phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo ngoài công lập.

- Giáo dục mầm non: Đảm bảo mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 trường mầm non công lập. Khuyến khích thành lập trường mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tư thục tại khu vực đông dân cư, đặc biệt là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Giáo dục phổ thông: Đảm bảo mỗi xã, phường, thị trấn đều có ít nhất 01 trường Tiểu học công lập và 01 trường THCS công lập hoặc 01 trường Tiểu học và THCS công lập. Duy trì và phát triển các trường THPT công lập hiện có trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích thành lập trường phổ thông tư thục, nhất là tại những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển, nơi tập trung đông dân cư và có dân số tăng cơ học cao.

- Giáo dục thường xuyên: Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và trung tâm học tập cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.

- Giáo dục hòa nhập: Phát triển hệ thống trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập và thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trong các trường mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh.

- Giáo dục đại học: Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Đại học Hoa Lư; phát triển trường Đại học Hoa Lư đến năm 2030 trở thành trường đại học có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; có năng lực cạnh tranh và từng bước hội nhập với các trường hàng đầu trong nước.

3. Phương án phát triển mạng lưới khoa học và công nghệ

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của các tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đảm bảo thực hiện các chức năng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ; phát triển các cơ sở nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

- Phát triển hạ tầng đo lường của tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế và nhu cầu của hệ thống doanh nghiệp.

4. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, chuẩn hóa, hiện đại hóa phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; từng bước thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, gắn với kiểm soát chất lượng của cơ quan quản lý nhà nước và sự giám sát của xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây mới các trung tâm bảo trợ xã hội công lập đáp ứng nhu cầu tiếp nhận, chăm sóc nuôi dưỡng các đối tượng chính sách. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ngoài công lập. Tăng quy mô tiếp nhận nuôi dưỡng đối tượng của các cơ sở trợ giúp xã hội công lập hiện có; đưa vào hoạt động Trung tâm công tác xã hội tỉnh Ninh Bình, cơ sở phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí tại Bệnh viện Chính hình và phục hồi chức năng Tam Điệp và các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập.

5. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

- Tập trung đầu tư xây dựng, hoàn thiện các công trình văn hoá, thể thao cấp tỉnh có quy mô lớn, hiện đại nhằm tạo điều kiện cho người dân tham gia các hoạt động văn hoá, thể thao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về văn hoá, nghệ thuật, thể

dục, thể thao, vui chơi, giải trí và đảm bảo đủ điều kiện tổ chức các sự kiện văn hoá, thể thao của quốc gia và quốc tế.

- Xây dựng thư viện tỉnh với mô hình hoạt động phù hợp với xu thế và định hướng phát triển của tỉnh, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt công nghệ số, thực hiện tự động hóa hoạt động thư viện, tăng cường khả năng liên thông, liên kết ở mọi loại thư viện trên địa bàn.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị chuyên ngành cho hệ thống công trình văn hóa công cộng, nhất là hệ thống thiết chế văn hoá ở cơ sở.

- Thực hiện các chiến lược đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản và thương hiệu. Triển khai nhanh và đồng bộ các khu chức năng, các chương trình, dự án thuộc nội dung của Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

- Hình thành, phát triển các loại hình, cơ sở hạ tầng thương mại theo quy định trên địa bàn tỉnh bảo đảm đáp ứng với cung cầu thị trường của từng khu vực, từng thời kỳ, bảo đảm nhu cầu cung ứng sản xuất, tiêu dùng của người dân, hài hòa lợi ích của nhà đầu tư, nhà nước và người dân.

- Tăng cường kêu gọi và thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư mới các cơ sở dịch vụ, thương mại, triển lãm, hội chợ... Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang các loại hình, cơ sở hạ tầng thương mại hiện có trên địa bàn tỉnh.

VIII. PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

- Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hướng đến tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các chỉ tiêu, diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất phát triển hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và nhu cầu phát triển của địa phương để triển khai các phương án phát triển theo không gian, lãnh thổ và các công trình, dự án hạ tầng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

a) Vùng liên huyện trung tâm

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm ranh giới hành chính của thành phố Ninh Bình, huyện Hoa Lư, thành phố Tam Điệp và khu vực phát triển đô thị lân cận.

- Tính chất: Là vùng chức năng tổng hợp giữ vai trò là động lực phát triển của tỉnh; với định hình tính chất là “Đô thị Di sản thiên niên kỷ” trên cơ sở hợp

nhất thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư; là trung tâm công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao, hậu cần logistic của tỉnh.

b) Vùng liên huyện Tây Bắc

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm ranh giới hành chính huyện Nho Quan và huyện Gia Viễn.

- Tính chất: Là vùng phát triển dịch vụ du lịch gắn với cảnh quan và tài nguyên thiên nhiên; là vùng trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh.

c) Vùng liên huyện Đông Nam

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm ranh giới hành chính huyện Kim Sơn, huyện Yên Khánh và huyện Yên Mô.

- Tính chất: Là vùng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển dịch vụ du lịch chuyên tiếp hài hòa với vùng di sản và công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao Tam Điệp; phát triển kinh tế biển mang tính đột phá, động lực phát triển kinh tế của tỉnh. Phát triển công nghiệp công nghệ sạch.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

Quy hoạch 05 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm:

(1) Vùng huyện Gia Viễn với tính chất là khu vực trọng điểm phát triển du lịch của tỉnh Ninh Bình về loại hình du lịch văn hóa, tâm linh, sinh thái; là Trung tâm công nghiệp của tỉnh.

(2) Vùng huyện Nho Quan với tính chất là vùng kinh tế tổng hợp về dịch vụ, du lịch, thương mại và công nghiệp phía Tây Bắc của tỉnh.

(3) Vùng huyện Yên Khánh với tính chất phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với xây dựng nông thôn mới. Đầu mối giao thông của tỉnh.

(4) Vùng huyện Yên Mô với tính chất phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với xây dựng nông thôn mới. Đầu mối giao thông của tỉnh.

(5) Vùng huyện Kim Sơn với tính chất được xác định là khu vực kinh tế tổng hợp, kinh tế biển, công nghiệp, dịch vụ du lịch, thương mại và đô thị.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng môi trường

Phân vùng bảo vệ môi trường theo 03 vùng:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III; nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; Khu bảo tồn thiên nhiên; khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng khác: các vùng còn lại trên địa bàn quản lý của tỉnh.

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học rừng, biển, vùng đất ngập nước trên địa bàn tỉnh nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học, gồm:

- Vùng đất ngập nước quan trọng: Khu dự trữ thiên nhiên đất ngập nước đầm Vân Long; Khu vực đất ngập nước ven biển Kim Sơn (thuộc khu dự trữ sinh quyển thế giới Châu thổ sông Hồng trên địa bàn 03 tỉnh ven biển Nam Định - Ninh Bình - Thái Bình).

- Khu bảo tồn thiên nhiên: Vườn Quốc gia Cúc Phương (phần diện tích thuộc tỉnh Ninh Bình); Khu vực rừng văn hóa, lịch sử và môi trường Hoa Lư.

- Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học: Công viên động vật hoang dã Quốc gia tỉnh Ninh Bình; Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật thuộc Vườn quốc gia Cúc Phương; Trung tâm cứu hộ thú linh trưởng Cúc Phương thuộc Vườn quốc gia Cúc Phương.

c) Quan trắc chất lượng môi trường

Duy trì và phát triển mới các điểm quan trắc nước biển ven bờ, các điểm quan trắc nước dưới đất, các điểm quan trắc chất lượng không khí.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Thực hiện bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển, rừng sản xuất. Củng cố, bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học trong các khu rừng đặc dụng; phục hồi, phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn phục vụ cho bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế; tăng cường xây dựng và củng cố các khu rừng phòng hộ chắn sóng, chống xói lở, ứng phó chủ động và hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác, phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa; đẩy mạnh công tác trồng cây phân tán, cải tạo cảnh quan môi trường và đáp ứng một phần nhu cầu gỗ gia dụng.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông lâm nghiệp, các hạng mục phòng chống cháy rừng (chòi canh lửa, bể chứa nước, biển báo cấp độ nguy cơ cháy rừng, biển cấm lửa), các hạng mục bảo vệ rừng (bảng tuyên truyền, xây mới, nâng cấp, sửa chữa trạm bảo vệ rừng, cắm mốc ranh giới 3 loại rừng), các hạng mục hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái, vườn ươm.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

Bảo vệ, khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm, phục vụ nhu cầu hiện tại, có tính đến sự phát triển khoa học công nghệ và nhu cầu khoáng sản trong tương lai, không làm ảnh hưởng môi trường, các danh lam, thắng cảnh và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan. Cấp phép khai thác, quản lý khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng phù hợp với nhu cầu địa phương và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước

Phân vùng chức năng của nguồn nước đối với từng đoạn sông, theo mục đích sử dụng. Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng theo thứ tự: nhu cầu nước cho sinh hoạt; nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp; nhu cầu nước cho nuôi trồng thủy sản; nhu cầu nước cho sản xuất công nghiệp; nhu cầu nước cho du lịch, dịch vụ; nhu cầu nước cho các lĩnh vực khác.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

- Tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên nước; tăng khả năng trữ và lưu giữ nước của các công trình hồ chứa, bảo đảm an ninh nguồn nước cho vùng; tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý, chia sẻ lợi ích từ tài nguyên nước.

- Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải: Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế và các loại nước thải khác được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành tương đương với chất lượng nước thải thải ra nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt.

- Phát triển, cải tạo các công trình tạo nguồn nước để bổ sung nguồn cấp nước chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước. Xây dựng các trạm/vị trí quan trắc tài nguyên nước và xả thải nước trên các dòng sông chính như: sông Bôi, sông Hoàng Long, sông Vạc,...; xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn. Hoàn thiện, nâng cấp mạng lưới các trạm cảnh báo thiên tai hiện có. rà soát các công trình đập dâng, hồ chứa nước đã xuống cấp để có kế hoạch gia cố, nâng cấp. Xóa bỏ những khu vực có nguy cơ lũ quét cao bằng các công trình ổn định mái dốc, chống sạt lở.

- Triển khai hệ thống theo dõi, giám sát tình hình ngập, hạn hán. Điều chỉnh công tác quản lý, vận hành các hồ chứa nước và nước ngầm phù hợp với việc điều tiết chống lũ, chống hạn. Sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường các biện pháp trữ nước. Thay đổi các cơ cấu cây trồng phù hợp với tình hình hạn hán.

- Củng cố hệ thống đê điều, công trình dưới đê và các công trình phụ trợ, công trình bảo vệ đê. Cải tạo một số đoạn đê thuộc tuyến đê hữu Hoàng Long, đảm bảo chiều cao chống lũ đối với đoạn đê kết hợp đường giao thông Bái Đính - Kim Sơn.

Vận hành hiệu quả các cửa thoát lũ qua Kẽm Chấm, Địch Lộng ra sông Đáy; cải tạo các tuyến kênh trục tiêu, sông Rĩa, sông Bến Đang để chủ động vận hành thoát lũ. Cải tạo lòng dẫn, tuyến đê hữu Đáy bảo đảm phòng, chống lũ theo tiêu chuẩn; cải tạo các cống dưới đê, một số tuyến kè xung yếu nhằm bảo đảm nhiệm vụ tưới, tiêu và vận hành an toàn trong mùa mưa lũ.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro thiên tai

Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai bao gồm: lốc xoáy, mưa đá, nắng nóng, hạn hán, bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sét, sạt lở đất, sụt lún đất, sương muối, sương mù, cháy rừng do tự nhiên...

- Vùng có nguy cơ xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn: trọng điểm là huyện Kim Sơn, Yên Khánh, Yên Mô, Nho Quan, thành phố Tam Điệp.

- Vùng có nguy cơ xảy ra bão, áp thấp nhiệt đới: trọng điểm là huyện Kim Sơn (vùng nuôi trồng thủy sản, đê biển Bình Minh II, đê Bình Minh III).

- Vùng dễ xảy ra ngập úng, lũ lụt, sạt lở đất: trọng điểm là các huyện Nho Quan, Gia Viễn (hệ thống đê Tả, Hữu sông Hoàng Long).

- Vùng dễ xảy ra sạt lở bờ sông: tại tuyến đường thôn Kênh Gà, xã Gia Thịnh, sạt lở đê bao Hoàng Long và tuyến đường tránh lũ xã Đức Long, huyện Nho Quan, sạt lở bờ tả, hữu sông Hoàng Long...

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu

Củng cố, tu sửa, tu bổ và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Tăng cường phòng ngừa kết hợp với phương châm “4 tại chỗ”. Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có sức chống chịu cao với thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn vốn của từng thời kỳ.

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động và sử dụng nguồn vốn đầu tư

Tập trung huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển; sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, tạo đột phá, các dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi

trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tập trung hút nguồn lực xã hội hóa để phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh, trong đó chú trọng phát triển các ngành du lịch, công nghiệp, năng lượng tái tạo.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Có chính sách đào tạo và thu hút nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có tay nghề, kỹ năng gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; đẩy mạnh đào tạo nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tăng cường kết nối giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và doanh nghiệp. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo, khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển đào tạo, dạy nghề. Khuyến khích các tổ chức tín dụng tạo điều kiện thuận lợi cho các trường ngoài công lập vay vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, đổi mới trang thiết bị dạy học và nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

- Chủ động triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách khoa học công nghệ. Nghiên cứu ứng dụng thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào phát triển kinh tế - xã hội gắn với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia các chuỗi giá trị. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển trong giai đoạn mới.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Phát huy lợi thế về vị trí chiến lược, trung điểm của tứ giác tăng trưởng trọng điểm vùng kinh tế Bắc Bộ, hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông. Thực hiện liên kết vùng, tăng cường hợp tác liên vùng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên du lịch; gắn xây dựng nông thôn mới với đô thị văn minh, hiện đại.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết; đồng thời, mở rộng hợp tác với các địa phương khác.

- Tập trung nghiên cứu, ban hành một số cơ chế, chính sách, quy định của các nội dung như: liên kết vùng động lực và vùng khó khăn; liên kết các doanh nghiệp lớn, vừa, nhỏ và các startup đang phát triển; liên kết phát triển nông nghiệp quy mô lớn thông qua kết hợp các điểm dân cư sản xuất với nhau.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển nông thôn và đô thị hiện đại để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền; ứng dụng các phương pháp tiên tiến trong quản lý phát triển đô thị và nông thôn nhằm đảm bảo

sự phát triển hiện đại, văn minh và thân thiện với môi trường. Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trung tâm trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết đô thị và nông thôn.

- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển đô thị hiện đại; xây dựng thành phố Ninh Bình là đô thị “văn hóa, sinh thái, thân thiện với môi trường”. Xây dựng hệ thống điểm dân cư nông thôn, tổ chức lãnh thổ nông thôn đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ; phát huy và sử dụng tốt các điều kiện thiên nhiên, tiềm năng lợi thế và nguồn lực đặc thù của mỗi địa phương; gắn kết với khu vực đô thị và kết cấu hạ tầng chung của toàn tỉnh, từng bước hình thành các cụm xã.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo hướng đồng bộ. Công bố, phổ biến và triển khai, xây dựng kế hoạch thực hiện, thường xuyên giám sát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt. Trong quá trình đó, trường hợp có các yêu cầu điều chỉnh, bổ sung của các Bộ, ngành Trung ương thì Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Công báo tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Tuất